

My: của tôi

This is my ... : Đây là ... của tôi

EX: This is **my** red pen.

(Đây là bút mực màu đỏ **của tôi**)

Your: của bạn

This is your ... : Đây là ... của bạn

EX: This is **your** red pen.

(Đây là bút mực màu đỏ **của bạn**)

Me	You
    	    

Fill “ your” or “my” into the blanks:

- | | |
|--------------------------|---------------------------|
| 1. This is fish. | 6. This is goat. |
| 2. This is cat. | 7. This is chicken. |
| 3. This is banana. | 8. This is dog. |
| 4. This is apple. | 9. This is horse. |
| 5. This is milk. | 10. This is chips. |

Choose the correct answer:

- | | |
|--------------------------|--------|
| 1. There a door. | |
| A. 's | B. 're |
| 2. It's apple. | |
| A. an | B. a |
| 3. It's red apple. | |
| A. a | B. an |
| 4. It's | |
| A. red | B. cat |